TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 110/2021/HC-PT
Ngày: 18/3/2021
V/v: Khiếu kiện QĐHC về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp giải quyết khiếu nại về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, GPMB và Khiếu kiện HVHC trong việc hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, GPMB

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Tấn
Các Thẩm phán: 1/ Bà Trần Thị Hòa Hiệp
2/ Bà Trần Thị Thúy Hồng

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hiển, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Bà Phạm Thị Út, Kiểm sát viên cao cấp Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 18/3/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án hành chính phúc thẩm, thụ lý số 389/2020/TLPT-HC ngày 16/7/2020, về việc *"Khiếu kiện QĐHC về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp giải quyết khiếu nại về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, GPMB"* và *"Khiếu kiện HVHC trong việc hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, GPMB"*, giữa các bên đương sự:

Người khởi kiện: **Bà Nguyễn Thị H**, sinh năm 1975.
Địa chỉ: Kp.A, thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang.
Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:
Bà Lê Thị Kiều M, sinh năm 1994 (Có mặt)
Địa chỉ: tổ 1, ấp S, xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang.
Người bảo vệ quyền lợi cho người khởi kiện:
Luật sư Trần Văn A, Công ty Luật Song Hiếu, Đoàn Luật sư tỉnh BRVT.
Địa chỉ: số 144 NQ, P.R, Tp.V, BRVT (Vắng mặt, có gửi văn bản bảo vệ cho người khởi kiện)

Người bị kiện:
1/ UBND huyện P, tỉnh Kiên Giang.

2/ Chủ tịch UBND huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ: 04 đường 30/4, thị trấn D, huyện P, Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Trần Chiến Th, Phó Chủ tịch UBND huyện P

Người bảo vệ quyền lợi cho người bị kiện:

Ông Trương Thành T, Phó Trưởng phòng TN&MT huyện P

(Ông Th và ông T có mặt tại phiên tòa).

Người kháng cáo: UBND huyện P là người bị kiện trong vụ án hành chính.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn và lời khai của phía người khởi kiện trình bày:

Ngày 26/7/2014 UBND huyện P ban hành Quyết định số: 3416/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất 2.943,1m^2 và Quyết định số: 3417/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất 1.128m^2 (thực tế tổng diện tích bà H sử dụng là 5.270,5m^2, còn lại diện tích đất 1.199,4m^2 UBND huyện P không ban hành Quyết định thu hồi đất).

Ngày 08/8/2014 UBND huyện P ban hành Quyết định số: 3964/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với diện tích đất 1.128m^2 cho gia đình bà H, nhưng không bồi thường toàn bộ diện tích đất 3.278,8m^2 bị thu hồi (2.943,lm^2 + 1.199,4m^2) cho gia đình bà H.

Ngày 20/02/2017 UBND huyện P ban hành Quyết định số: 1951/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất 1.199,4m^2 của bả Nguyễn Thị H nhưng cũng không ban hành quyết định bồi thường, bà H không đồng ý nên khiếu nại đến UBND huyện P yêu cầu bồi thường toàn bộ diện tích đất 3.278,8m^2.

Ngày 09/4/2019 Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định số: 1923/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà H, đồng ý bồi thường, hỗ trợ diện tích đất 1.199,4m^2 nhưng không đồng ý bồi thường diện tích đất 2.078,8m^2 (2.943,lm^2 - 864,3m^2) cho gia đình bà H, vì cho rằng diện tích đất 2.078,8m^2 là đất lấn chiếm, sử dụng sau ngày 01/7/2004.

Việc UBND huyện P không bồi thường diện tích đất 2.078,8m^2 cho bà H là không đúng quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 45 của Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ, khoản 1 Điều 50 Luật Đất đai.

Nguồn gốc, diện tích đất 5.270,5m^2 của bà H, trong đó có diện tích 2.078,8m^2 nhà nước không bồi thường, có nguồn gốc do cha mẹ bà là ông Phạm N và bà Dương Thị A nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị L vào năm 1994, đến năm 1997 cho lại vợ chồng ông H, bà H cất nhà ở, đào ao nuôi cá, sử dụng liên tục cho đến khi nhà nước thu hồi đất. Do đó đất của gia đình bà H đủ điều kiện bồi

thường, hỗ trợ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điêu 45 Nghị định 84/2007/NĐ-CP.

Bà H khởi kiện yêu cầu hủy một phần Quyết định số: 1923/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của Chủ tịch UBND huyện P, với nội dung không công nhận bồi thường diện tích đất 2.078,8m^2 và bà yêu cầu Buộc UBND huyện P ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất 2.078,8m^2 cho gia đình bà theo quy định của pháp luật.

Theo đơn và lời khai của phía người bị kiện UBND huyện P và Chủ tịch UBND huyện P.

Bà H khởi kiện đòi hủy một phần Quyết định số: 1923/QĐ- UBND ngày 09/4/2019 của Chủ tịch UBND huyện P, cụ thể là UBND huyện không bồi thường diện tích đất 2.078,8m^2 và đòi buộc UBND huyện thực hiện hành vi ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất 2.078,8m^2 cho gia đình bà theo quy định của pháp luật là không có căn cứ.

Nguồn gốc diện tích đất 2.078,8m^2 trước năm 2006 là đất lung trũng, không ai quản lý sử dụng, đến sau năm 2006 ông H vào phát dọn, lên líp trồng tràm. Trường hợp này không đủ điều kiện bồi thường đất theo quy định tại khoản 2 Điều 45 Nghị định 84/2007/NĐ-CP.

Đề nghị bác khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2020/HCST ngày 14/02/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, đã tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khỏi kiện của bà Nguyễn Thị H.

1.1/ Hủy một phần Quyết định số: 1923/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của Chủ tịch UBND huyện P về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị H, cụ thể phần không công nhận bồi thường diện tích đất 2.078,8m^2.

1.2/ Buộc UBND huyện P ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị H đối với diện tích đất 2.078,8m^2 tọa lạc tại ấp 6 (nay là khu phố 6), thị trấn An Thới, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật.

2/ Án phí Hành chính sơ thẩm:

UBND huyện P chịu số tiền 300.000đồng.

Chủ tịch UBND huyện P chịu số tiền 300.000đồng.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí HCST theo Biên lai thu tiền số 0004685 ngày 18/6/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến thời hạn và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 04/3/2020, UBND huyện P làm đơn kháng cáo, nêu lý do: Bản án sơ thẩm không thỏa đáng, đề nghị phúc xử lại bác yêu cầu khởi kiện của phía bà Nguyễn Thị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Phía người khởi kiện đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, Theo văn bản của Luật sư Trần Văn A bảo vệ quyền lợi cho bà H cho rằng, diện tích đất nêu trên do gia đình bà H sử dụng ổn định, lâu dài và đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi có quy hoạch, giải phóng mặt bằng thì phải đền bù hỗ trợ theo quy định. Bản sơ thẩm xét xử là có căn cứ đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Phía người bị kiện cho rằng, Theo các tài liệu mà phía UBND huyện P cung cấp thì đất này là đất quốc phòng sau đó giao lại cho UBND tỉnh và UBND huyện quản lý. UBND huyện đã thực hiện dự án và giao đất cho Công ty TNHH MTV Mặt Trời Phú Quốc thực hiện dự án về thương mại, dịch vụ. UBND huyện P cũng đã có xem xét bồi thường, hỗ trợ một phần đất đủ điều kiện đối với hộ bà H. Tuy nhiên, đối với phần đất không đủ điều kiện thì không bồi thường là đúng quy định của pháp luật, phần này có diện tích là 2.078m^2, qua kiểm tra tại thời điểm năm 2005 là đất trống không có sử dụng và không có trồng cây, do đó đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của phía bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng trình tự, thủ tục theo luật định, tại phiên tòa những người tham gia tố tụng cũng đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Luật tố tụng Hành chính.

Về nội dung giải quyết: Phía người bị kiện kháng cáo có đưa ra các tài liệu để chứng minh đây là đất quốc phòng, tuy nhiên theo các tài liệu có trong hồ sơ thì không có gì để thể hiện diện tích đất nêu trên là đất quốc phòng, do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía bà H là có căn cứ, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo, kháng nghị: Đơn kháng cáo phía người bị kiện làm trong hạn luật định, nên thủ tục kháng cáo, kháng nghị hợp lệ.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của phía bà H thì vụ án có quan hệ tranh chấp về việc: *"Khiếu kiện QĐHC về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp giải quyết khiếu nại về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, GPMB"* và *"Khiếu kiện HVHC trong việc hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, GPMB"*.

Mà cụ thể là yêu cầu hủy một phần Quyết định giải quyết khiếu nại số 1923/QĐ-UBND ngày 09/4/2019 của Chủ tịch UBND huyện P, đối với phần diện tích 2078,8m^2 UBND huyện P không bồi thường cho bà H.

Ngoài ra, người khởi kiện còn yêu cầu xác định hành vi hành chính về việc không bồi thường đối với diện tích nêu trên là trái pháp luật và buộc UBND huyện P phải thực hiện hành vi công vụ trong việc bồi thường diện tích đất nêu trên.

Các quan hệ tranh chấp trên được pháp luật quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 115 Luật tố tụng Hành chính, Luật Đất đai và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và giải quyết đúng thẩm quyền được pháp luật quy định tại Điều 31, 32 của Luật tố tụng Hành chính.

[3] Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo của đương sự:

[3.1] Trong quá trình giải quyết vụ án hành chính ở cấp phúc thẩm, phía người bị kiện đã đưa ra tài liệu chứng cứ như sau:

Quyết định số 872/TTg ngày 20/11/1996 của Thủ tướng Chính phủ, nội dung: *Phê duyệt đất quốc phòng của quân khu 9, trong đó có diện tích đất tại huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.*

Văn bản số 4067/TC-HQ ngày 13/1/2013 của Cục Tác Chiến Bộ Tổng Tham Mưu, nội dung: *Thống nhất chuyển giao cho UBND tỉnh Kiên Giang khu 2 của bãi Khem diện tích 50ha/81ha.*

Văn bản số 2884/BQP của Bộ Quốc Phòng ngày 13/1/2014, có nội dung: *Chuyển mục đích sử dụng 3,58ha đất quốc phòng do Bộ tư lệnh Hải Quân quản lý tại An Thới, Phú Quốc, giao cho địa phương làm đường vào bãi Khem và chuyển mục đích sử dụng 40,38ha đất quốc phòng tại bãi Khem và 37,77ha đất quốc phòng khu bãi Sao do Hải Quân vùng 5 quản lý tại An Thới, Phú Quốc, chuyển cho địa phương xây dựng khu du lịch để phát triển kinh tế.*

Bản đồ vị trí khu đất và Báo cáo số 64/BC ngày 16/6/2014 của Trung tâm Kỷ thuật và Phát triển quỹ đất, nội dung: *Xác định tổng thể nguồn gốc sử dụng của*

các hộ dân đủ điều kiện và không đủ điều kiện để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, xác định các hộ đất lấn chiếm.

Biên bản giao đất thực địa ngày 19/11/2014 của Bộ Tư lệnh Hải Quân và UBND huyện P, Quyết định số 2326/QĐ-UBND ngày 07/11/2014, Biên bản bàn giao đất ngày 05/9/2014 và ngày 26/6/2017 của UBND tỉnh Kiên Giang, có nội dung: *Thu hồi và giao đất cho Công ty TNHH Một Thành Viên Mặt Trời Phú Quốc tại khu vực bãi Khem xã An Thới, huyện Phú Quốc sử dụng với mục đích thương mại, dịch vụ trong Dự án Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng cao cấp bãi Khem của Công ty TNHH Một Thành Viên Mặt Trời Phú Quốc.*

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 12869/CT ngày 08/1/2018 của UBND tỉnh Kiên Giang, nội dung: *Giao diện tích đất 314.439m^2 cho Công ty TNHH Một Thành Viên Mặt Trời Phú Quốc.*

Tất cả các tài liệu trên, phía người bị kiện đưa ra tại cấp phúc thẩm cho rằng diện tích đất bãi Khem là đất quốc phòng đã chuyển giao cho UBND tỉnh Kiên Giang và UBND huyện P quản lý, sau đó đất được thu hồi và giao cho Công ty TNHH MTV Mặt Trời Phú Quốc, với tổng diện tích 414.439m^2 trong đó có diện tích của hộ bà H, UBND huyện P xác định nguồn gốc đất trên là đất đất quốc phòng do nhà nước quản lý mà hộ bà H hiện đang lấn chiếm.

Phía bà H thì cho rằng, phần đất tranh chấp này không phải là đất lấn chiếm và cũng không thuộc đất quốc phòng do nhà nước quản lý mà do gia đình bà tự khai phá.

Do không thống nhất về các yêu cầu, nên từ đó các bên đương sự đã phát sinh tranh chấp.

[3.2] Xét thấy:

Các tài liệu bổ sung nêu trên là những sự kiện mới mà ở tại cấp sơ thẩm đương sự không nộp và Tòa án cấp sơ thẩm cũng không thu thập theo luật định. Tại cấp phúc thẩm, các bên đương sự xác định đang tranh chấp về nguồn gốc pháp lý cũng như tranh chấp về thực tế sử dụng đất.

Theo Điều 80 của Luật tố tụng Hành chính, quy định về chứng cứ, như sau: *Chứng cứ trong vụ án hành chính là những gì có thật được đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác giao nộp, xuất trình cho Tòa án trong quá trình tố tụng hoặc do Tòa án thu thập được theo trình tự, thủ tục theo luật định, mà Tòa án sử dụng làm căn cứ để xác định các tình tiết khách quan của vụ án cũng như xác định yêu cầu hay sự phản đối của đương sự là có căn cứ và hợp pháp.*

Đối chiếu với trường hợp tranh chấp này, để xác định nguồn gốc thì cần thiết phải thu thập các chứng cứ như: Thẩm định tại chổ diện tích đất tranh chấp, đo vẽ

hiện trạng đối với diện tích đất tranh chấp trong toàn khu diện tích đất bị thu hồi, xác minh thu thập tính pháp lý của các bản vẽ, các tài liệu bản chính hoặc có chứng thực hợp pháp đối với các văn bản liên quan đến nguồn gốc và quá trình quản lý đất đai qua các thời kỳ, từ đó xác định tính hợp pháp của quá trình sử dụng đất có đủ đủ kiện được bồi thường, hỗ trợ khi giải phóng mặt bằng theo luật định hay không.

Ở giai đoạn phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm không có điều kiện để thực hiện đối với việc thu thập các chứng cứ nêu trên theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, theo tài liệu trong hồ sơ thì diện tích đất này đã được thu hồi giao cho Công ty TNHH Một Thành Viên Mặt Trời Phú Quốc sử dụng vào mục đích thương mại, dịch vụ. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa đơn vị này tham gia tố tụng với tư cách người có quyền, nghĩa vụ liên quan là chưa đúng với quy định của Luật tố tụng hành chính.

Do vậy, cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại đối với các vấn đề về thu thập chứng cứ cũng như xác định tư cách đương sự như đã nêu trên theo luật định.

[4] Về án phí hành chính sơ thẩm: Sẽ được giải quyết khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu.

Bởi các lẽ trên.

Căn cứ khoảm 3 Điều 241 Luật tố tụng Hành chính

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2020/HC-ST ngày 14/02/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, về việc *"Khiếu kiện QĐHC về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp giải quyết khiếu nại về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, GPMB"* và *"Khiếu kiện HVHC trong việc hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, GPMB"*. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

2/ Về án phí hành chính sơ thẩm: Sẽ được giải quyết khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm.

3/ Về án phí hành chính phúc thẩm: UBND huyện P không phải chịu, hoàn trả lại cho UBND huyện P số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí kháng cáo, theo Biên lai thu số 0003045 ngày 19/3/2020 của Cục Thi hành án tỉnh Kiên Giang.

4/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

- Tòa án nhân dân tối cao.
- VKSNDCC tại Tp. HCM.
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang.
- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.
- Các đương sự (Để thi hành).
- Lưu văn phòng; hồ sơ vụ án, PQH.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

LÊ HOÀNG TẤN